

Bản án số: 01/2022/HC-ST
Ngày: 01 - 11 - 2022
V/v khiếu kiện quyết định xử
phạt vi phạm hành chính trong
lĩnh vực đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Khảm

2. Ông Trần Văn Học

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2021/TLST-HC ngày 15 tháng 11 năm 2021 về khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HC ngày 10 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Trương Văn S, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Thôn 4 Dân T, xã Y, huyện L, tỉnh P.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Số 46, đường Nguyễn Tất T, xã T, thành phố Y, tỉnh P, theo giấy ủy quyền ngày 29/11/2021 (có mặt).

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh P.

Địa chỉ nơi làm việc: Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Đào Văn S, sinh năm 1969 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện Yên L, tỉnh P.

Địa chỉ nơi làm việc: Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P, theo giấy ủy quyền ngày 16/5/2022 (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P.

Địa chỉ: Xã P, huyện L, tỉnh P.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Hoàng T – Chủ tịch Ủy ban nhân dân

xã P, huyện L, tỉnh P.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Đào Văn S, sinh năm 1969 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P.

Địa chỉ nơi làm việc: Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P, theo giấy ủy quyền ngày 24/10/2022 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/11/2021 và quá trình tố tụng, người khởi kiện ông Trương Văn S và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện anh Nguyễn Quốc T trình bày:

Vợ chồng ông Trương Văn S là chủ sử dụng hợp pháp đối với thửa đất số 461, tờ bản đồ 25 (theo bản đồ VN2000), địa chỉ thửa đất: Thôn 4 Dân T, xã Yên P, huyện L, tỉnh P. Nguồn gốc thửa đất do vợ chồng ông S mua của Hợp tác xã nông nghiệp T từ năm 1993-1994 với mục đích là mua đất ở. Vợ chồng ông S đã sử dụng ổn định lâu dài từ đó đến nay, đồng thời đã cải tạo một phần diện tích đất này để trồng cây ăn quả như bưởi, nhãn, xoài, mít và trồng cây sưa...

Năm 2018, vợ chồng ông S thực hiện thủ tục đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên. Tuy nhiên, thủ tục này đang bị tạm dừng do có một số vướng mắc. Hiện nay, vợ chồng ông S đang có ý kiến đối với các cơ quan chức năng có thẩm quyền về vấn đề này, cụ thể ông S khởi kiện Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P về việc không thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên. Vụ án đang được tạm đình chỉ vì lý do các đương sự cần thêm thời gian để tự đối thoại về việc giải quyết vụ án.

Khoảng đầu tháng 10/2021, do có nhu cầu sử dụng đất nên vợ chồng ông S đã đổ đường bê tông. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân xã P đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính. Đến ngày 10/10/2021, ông Sinh nhận được Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 113/QĐ-XPVPHC ngày 06/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P với nội dung:

- + Xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trương Văn S
- + Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Gia đình ông Trương Văn S đã tự ý đổ đường bê tông trái phép trên diện tích đất nuôi trồng thủy sản, dài 23m, chiều rộng 3,9m, dày 20cm.
- + Hình thức xử phạt chính: 5.000.000đồng
- + Biện pháp khắc phục hậu quả: Tháo dỡ đường bê tông trên diện tích đất nuôi trồng thủy sản, tại thửa đất số 461, tờ bản đồ 25, diện tích 4.211,7 m² phục hồi lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P ban hành quyết định trên là không đúng quy định và ảnh hưởng đến quyền lợi của vợ chồng ông S, bởi lẽ:

Một là, vợ chồng ông S không sử dụng sai mục đích sử dụng đất.

Xét về nguồn gốc đất, diện tích đất này do vợ chồng ông S mua của Hợp tác xã nông nghiệp T đúng là mua đất ao, nhưng mua với mục đích mua đất ở. Tại thời điểm mua đất, chủ trương của Hợp tác xã là công khai, tất cả mọi người đều biết và cùng mua như vợ chồng ông S. Thực tế cho đến nay, vợ chồng ông S vẫn

còn đầy đủ các giấy tờ liên quan cho thấy có Nghị quyết của Hợp tác xã về việc bán đất ao làm đất thổ cư, chứ không phải đất thuê 20 năm, điều này chứng minh cho việc mua đất ở của vợ chồng ông S là sự thật. Cùng thời kì đó, nhiều hộ mua bán đất giống trường hợp của vợ chồng ông S, đã thực hiện việc san lấp và xây dựng nhà ở (sử dụng vào mục đích đất ở). Do vợ chồng ông S chưa có điều kiện nên đến nay mới thực hiện việc xây dựng công trình trên đất.

Bên cạnh đó, vợ chồng ông S đang hoàn thiện thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có đăng kí xin cấp đất ở, nhưng do nguyên nhân khách quan nên chưa hoàn thiện xong. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P xử phạt hành chính đối với ông S là không đúng quy định.

Hai là, nội dung Quyết định có điểm bất hợp lý.

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính ban hành ngày 06/10/2021. Tuy nhiên, tại Điều 2 của quyết định thể hiện: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/10/2021. Như vậy, Quyết định này là trái pháp luật, khi có hiệu lực trước cả ngày ban hành Quyết định.

Sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P ra Quyết định xử phạt hành chính số 113/QĐ-XPVPHC ngày 06/10/2021 thì Ủy ban nhân dân xã P ra Quyết định số 156/QĐ-UBND đính chính Quyết định xử phạt hành chính số 113/QĐ-XPVPHC là sai về thẩm quyền ban hành quyết định.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 113/QĐ-XPVPHC ngày 06/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P và hủy Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Ủy ban nhân dân xã P đính chính Quyết định xử phạt hành chính số 113/QĐ-XPVPHC của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P. Ngoài ra, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện không yêu cầu gì khác.

- Ông Đào Văn S là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P và là người đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P trình bày:

Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 03/10/2021, Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P nhận được tin báo của ông Trần Đình L là trưởng thôn 4, xã P về việc ông Trương Văn S và bà Nguyễn Thị T (là vợ ông S) ở thôn 4 Dân T, xã P đang có hành vi vi phạm hành chính là tự ý đổ đường bê tông lên một phần của thửa đất số 461, tờ bản đồ số 25 (theo bản đồ VN2000), địa chỉ thửa đất: Thôn 4 Dân T, xã P, huyện L, tỉnh P. Theo các tài liệu địa chính mà địa phương đang quản lý thì diện tích đất này là đất nuôi trồng thủy sản, đứng tên quy chủ là ông Trương Văn S. Ủy ban nhân dân xã P đã thành lập tổ công tác xuống tại hiện trường và xác định: Ông Trương Văn S đã san gạt đất làm đường từ cổng nhà đi ra đường trục thôn dài 33m; đổ bê tông đường cổng đi ra đường trục thôn dài 23m, độ rộng 3,9m, dày 20cm.

Tổ công tác yêu cầu gia đình ông S, dừng ngay việc xây dựng làm đường bê tông trên đất nuôi trồng thủy sản và tháo dỡ công trình đã vi phạm trả lại hiện trạng ban đầu của đất. Thời gian xong trước ngày 05/10/2021.

Tiếp đó, Ủy ban nhân dân xã P đã lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với ông S về hành vi tự ý xây dựng trái phép trên diện tích đất nuôi trồng thủy sản, cụ thể là đổ bê tông làm đường đi dài 23m, rộng 3,9m, dày 20cm và biện pháp ngăn chặn, bảo đảm xử lý vi phạm hành chính được áp dụng là tháo dỡ công trình vi phạm trên đất trả lại tình trạng đất như trước khi vi phạm.

Sau đó, Ủy ban nhân dân xã P mời ông S đến tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã để làm rõ nội dung trên. Tại buổi làm việc, ông S trình bày: Gia đình ông mua ao thường trực làm đất thổ cư từ năm 1993, đến nay nhiều lần gia đình ông làm đơn đề nghị các cấp có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông nhưng hồ sơ, thủ tục chưa đảm bảo nên chưa thể đảm bảo để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay gia đình ông có nhu cầu làm lối công đi từ nhà ra ngoài đường lớn nên ông đã đổ bê tông. Đề nghị Ủy ban nhân dân xã tạo điều kiện, nếu sau này giải quyết diện tích đất đó thuộc về tập thể thì gia đình ông xin tự nguyện tháo dỡ. Tại buổi làm việc, chủ tọa hội nghị đã kết luận: Việc gia đình ông S tự ý đổ bê tông làm lối công đi trên đất nuôi trồng thủy sản mà chưa được các cấp có thẩm quyền giao đất là vi phạm pháp luật về sử dụng đất đai, yêu cầu ông S dừng ngay việc đổ bê tông làm đường, đồng thời tự giác tháo dỡ, mức bỏ toàn bộ phần bê tông đã đổ trên phần đất ao đang chờ giải quyết.

Căn cứ vào biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai, ngày 06/10/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 113/QĐ-XPVPHC xử phạt ông S 5.000.000đồng, về hành vi tự ý xây dựng đổ đường bê tông trái phép trên diện tích đất nuôi trồng thủy sản; biện pháp khắc phục hậu quả là tháo dỡ đường bê tông trên diện tích đất nuôi trồng thủy sản, phục hồi lại tình trạng ban đầu của đất như trước khi vi phạm. Thời hạn thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả 07 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Cùng ngày 06/10/2021, Ủy ban nhân dân xã P có Thông báo số 57/TB-UBND về việc tháo dỡ công trình vi phạm để gia đình ông S tự giác tháo dỡ trả lại mặt bằng như hiện trạng, xong trước ngày 10/10/2021. Hết thời hạn trên, gia đình ông S không tự tháo dỡ, Ủy ban nhân dân xã P sẽ tổ chức cưỡng chế tháo dỡ và xử lý theo quy định của pháp luật.

Do trong quá trình soạn thảo quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 113/QĐ-XPVPHC ngày 06/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P có sai sót nên ngày 17/12/2021, Ủy ban nhân dân xã P đã ra quyết định số 156/QĐ-UBND đính chính quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 113/QĐ-XPVPHC. Nội dung đính chính: Thời gian có hiệu lực của Quyết định kể từ ngày 06/10/2021.

Xác định người có hành vi vi phạm hành chính vào ngày 03/10/2021 là ông S vì ông S là chủ hộ. Gia đình ông S theo sổ hộ khẩu chỉ có hai thành viên gồm ông S và vợ ông S là bà T. Trong các biên bản sự việc và trong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính có thể hiện nội dung gia đình ông S có hành vi tự ý đổ đường bê tông trái phép trên diện tích đất nuôi trồng thủy sản là do cán bộ chuyên môn khi thực hiện nhiệm vụ đã sử dụng câu từ không thống nhất vì mỗi văn bản được thực hiện ở những thời điểm khác nhau. “Gia đình ông S” hay “Vợ chồng ông S” hay “Hộ gia đình ông S” vẫn chỉ gồm có 02 người là ông S và vợ ông S

mà ông S là chủ hộ. Bà T có tham gia đổ đường bê tông, do cán bộ nhận thức không đầy đủ nên đã ra các văn bản không khớp nhau và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với riêng ông S là chưa đúng.

Nay ông S yêu cầu Tòa án hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 113/QĐ-XPVPHC ngày 06/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P và hủy Quyết định số 156/QĐ-UBND đính chính Quyết định xử phạt hành chính số 113/QĐ-XPVPHC của Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P. Ngoài ra, ông S không yêu cầu gì khác thì quan điểm của ông là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tính đến thời điểm hiện tại, ông S chưa nộp số tiền phạt 5.000.000 đồng và chưa thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là tháo dỡ công trình vi phạm để trả lại tình trạng ban đầu của đất như trước khi vi phạm theo Quyết định xử phạt hành chính số 113/QĐ-XPVPHC.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ bảo đảm đúng trình tự, thủ tục từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa xét xử; người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 3, Khoản 1 Điều 6, Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 31, Điều 116, khoản 1 Điều 164, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206, Điều 348, Điều 358 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020; Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện về việc hủy Quyết định số 113/QĐ-XPVPHC ngày 06/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P và hủy Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ông Trương Văn S khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 113/QĐ-XPVPHC ngày 06/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông S đề nghị Tòa án hủy cả Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P đính chính Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 113/QĐ-XPVPHC. Các Quyết định trên được ban hành trong lĩnh vực quản lý đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính năm 2016 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại Điều 30, khoản 1 Điều 31 Luật Tổ tụng hành chính năm 2016.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 113/QĐ-XPVPHC của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P ban hành ngày 06/10/2021. Đến ngày 08 tháng 11 năm 2021, ông S đã gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị tuyên hủy quyết định hành chính trên. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2016 thì thời hiệu khởi kiện của ông S vẫn còn trong hạn luật định.

[2]. Xét tính hợp pháp của Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 113/QĐ-XPVPHC ngày 06/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Về thẩm quyền ban hành quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P đã thực hiện đúng theo quy định về thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

[2.2]. Về hình thức của quyết định: Hình thức Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 113/QĐ-XPVPHC ngày 06/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P thực hiện theo đúng quy định tại Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và soạn thảo theo đúng biểu mẫu kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

[2.3]. Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định:

Theo quy định của pháp luật, ông S, bà T cùng thực hiện hành vi vi phạm hành chính là đổ đường bê tông trái phép trên diện tích đất nuôi trồng thủy sản thì khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính, Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P phải kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông S, bà T. Biên bản vi phạm hành chính phải được lập thành 02 bản và phải được giao cho ông S, bà T 01 bản. Trên cơ sở biên bản vi phạm hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P có thể ra một hoặc nhiều quyết định xử phạt để quyết định hình phạt, mức phạt đối với từng người vi phạm là ông S, bà T.

Tuy nhiên, trong trường hợp cụ thể này, Ủy ban nhân dân xã P chỉ lập biên bản vi phạm hành chính đối với riêng ông S vì cho rằng ông S là chủ hộ nên ra quyết định xử phạt đối với ông S là trái với nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, đó là nhiều người cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt về hành vi vi phạm hành chính đó. Thực tế, Ủy ban nhân dân xã P đã không giao cho ông S 01 bản biên bản vi phạm hành chính. Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P cho rằng do ông S không hợp tác nên cán bộ chuyên môn không giao biên bản vi phạm hành chính cho ông S là không đúng với quy định tại khoản 29 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số

điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020. Trên cơ sở biên bản vi phạm hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P ra quyết định xử phạt đối với riêng ông S là không phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích ở trên.

[2.4]. Về nội dung quyết định hành chính:

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P, thửa đất số 461, tờ bản đồ số 25 (theo bản đồ VN2000), địa chỉ thửa đất: Thôn 4 Dân T xã P, huyện L, tỉnh P là loại đất nuôi trồng thủy sản, vợ chồng ông S đã sử dụng từ năm 1993 cho đến nay. Ngày 03/10/2021, vợ chồng ông S thuê thợ và cùng với thợ đổ đường bê tông trái phép trên diện tích đất nuôi trồng thủy sản, là hành vi vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai, nên ngày 03/10/2021, Ủy ban nhân dân xã P đã lập biên bản vi phạm hành chính số 12/BB-VPHC, đến ngày 06/10/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 113/QĐ-XPVPHC là còn thời hạn, thời hiệu và có cơ sở.

Tuy nhiên, trong phần nội dung của Quyết định hành chính thể hiện:

“ Điều 1: Xử phạt vi phạm hành chính đối với:

1. Ông Trương Văn S, sinh năm 1946.....

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Gia đình ông Trương Văn S, đã tự ý xây dựng đồ đường bê tông trái phép trên diện tích đất nuôi trồng thủy sản, dài 23m, chiều rộng 3,9m, dày 20cm.

3. Hành vi của ông Trương Văn S đã vi phạm theo quy định tại...”

Hội đồng xét xử thấy rằng, nội dung của Quyết định hành chính là xử phạt đối với ông Trương Văn S nhưng hành vi vi phạm hành chính bị xử phạt là hành vi của gia đình ông Trương Văn S, đã tự ý xây dựng đồ đường bê tông trái phép trên diện tích đất nuôi trồng thủy sản. Sau đó, nội dung tiếp theo của quyết định hành chính lại thể hiện là hành vi của ông Trương Văn S đã vi phạm theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 11 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Hội đồng xét xử thấy rằng, nếu là hành vi vi phạm hành chính của hộ gia đình thì sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Trường hợp này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P lại ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với riêng ông S là không phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể như đã phân tích ở trên.

Trong nội dung Quyết định còn thể hiện Quyết định có hiệu lực từ ngày 05/10/2021, trước ngày ban hành quyết định 01 ngày là trái với quy định của pháp luật vì theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định: Quyết định xử phạt có hiệu lực kể từ ngày ký.

Tại biên bản sự việc ngày 03/10/2021 do Ủy ban nhân dân xã Yên P, thể hiện ông S đã đổ đường bê tông trên diện tích đất nuôi trồng thủy sản từ cổng nhà đi ra đường trục thôn dài 23m, đồ rộng 3,9m, dày 20cm và trong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính thể hiện gia đình ông Trương Văn S, đã tự ý xây dựng đồ đường bê tông trái phép trên diện tích đất nuôi trồng thủy sản, dài 23m, chiều rộng 3,9m, dày 20cm. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện đoạn đường đồ bê tông từ cổng nhà ông S, bà T ra tới đường trục thôn dài 46,23m, chiều rộng trung

bình 4,29m, đồ dày 20cm. Trong đó có 21,6m² đường bê tông bắt đầu từ vị trí cổng nhà của vợ chồng ông S ra phía đường trục thôn là đổ trên phần diện tích đất của thửa đất số 157, tờ bản đồ số 03, theo bản đồ 299 (thửa số 508, tờ bản đồ số 25, theo bản đồ VN2000), đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Trương Văn S bao gồm đất ở và đất vườn, chứ không nằm trên thửa đất nuôi trồng thủy sản nhưng vẫn bị xử phạt và buộc tháo dỡ, phục hồi lại tình trạng ban đầu của đất như trước khi vi phạm là không đúng với quy định của pháp luật.

Tại phần 1 Điều 1 của Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 113/QĐ-XPVPHC thể hiện: “Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với:

Ông Trương Văn S sinh năm 1946, CCCD số: 0260.4600.0099 do Cục cảnh sát ĐKQL về dân cư, cấp ngày 07/11/2017”

Tuy nhiên, theo căn cước công dân mà ông Trương Văn S giao nộp cho Tòa án thì vẫn số căn cước như trên thể hiện ông S, sinh năm 1948.

[2.5]. Do trong quá trình soạn thảo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 113/QĐ-XPVPHC ngày 06/10/2021 có sai sót nên ngày 17/12/2021, Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P đã ban hành quyết định số 156/QĐ-UBND đính chính quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 113/QĐ-XPVPHC. Nội dung đính chính: Thời gian có hiệu lực của Quyết định kể từ ngày 06/10/2021.

Việc Ủy ban nhân dân xã P ban hành Quyết định số 156/QĐ-UBND để đính chính quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 113/QĐ-XPVPHC của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P là vi phạm về thẩm quyền ban hành quyết định. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P ban hành thì khi Quyết định có sai sót, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P phải là người ra Quyết định đính chính. Ủy ban nhân dân xã P không có thẩm quyền đính chính đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P trong trường hợp này. Việc Ủy ban nhân dân xã P ra Quyết định đính chính như trên là sai, vi phạm quy định của pháp luật về thẩm quyền ban hành quyết định.

[2.6]. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông S và người đại diện theo ủy quyền của ông S chỉ yêu cầu Tòa án xem xét hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 113/QĐ-XPVPHC ngày 06/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông S đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy cả Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P đính chính quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 113/QĐ-XPVPHC ngày 06/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P. Hội đồng xét xử thấy rằng, vì Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Ủy ban nhân dân xã P đính chính quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 113/QĐ-XPVPHC, có liên quan đến quyết định số 113/QĐ-XPVPHC và liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông S nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét cả quyết định số 156/QĐ-UBND.

[2.7]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có cơ sở để khẳng định, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P, ban hành Quyết định số 113/QĐ-XPVPHC ngày 06/10/2021 xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trương Văn S và việc Ủy ban nhân dân xã P ban hành Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày

17/12/2021 đình chính Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 113/QĐ-XPVPHC là không phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn S để hủy cả hai Quyết định trên.

[2.8]. Bà Nguyễn Thị T (vợ ông S) là người cùng với ông S thực hiện hành vi vi phạm hành chính là đổ đường bê tông trái phép trên diện tích đất nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên, trong các biên bản làm việc, biên bản sự việc, quyết định xử phạt không thể hiện tên bà T mà chỉ thể hiện “gia đình ông S”. Tòa án đang xem xét giải quyết yêu cầu của ông Sinh đề nghị hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 113/QĐ-XPVPHC ngày 06/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P và hủy Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Ủy ban nhân dân xã P đình chính quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 113/QĐ-XPVPHC nên không cần đưa bà T vào tham gia tố tụng đối với vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2.9]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.981.000đồng. Do yêu cầu khởi kiện của ông S được chấp nhận nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P có nghĩa vụ thanh toán cho ông S tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ mà ông S đã nộp là 5.981.000đồng.

Trả lại cho ông S 19.000đồng tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp. Xác nhận anh Nguyễn Quốc T là người đại diện theo ủy quyền của ông S đã nhận đủ số tiền trên theo Biên bản trả tiền tạm ứng chi phí tố tụng ngày 19/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc cho anh T.

[3]. Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, như đã phân tích nêu trên, nên được chấp nhận toàn bộ.

[4]. Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn được chấp nhận toàn bộ, nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 3, Khoản 1 Điều 6, Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 31, Điều 116, khoản 1 Điều 164, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206, Điều 348, Điều 358 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020;

Căn cứ vào Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn S về yêu cầu hủy Quyết định số 113/QĐ-XPVPHC ngày 06/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trương Văn S và hủy Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Ủy ban nhân dân

xã P, huyện L, tỉnh P đính chính quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 113/QĐ-XPVPHC ngày 06/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P

2. Hủy Quyết định số 113/QĐ-XPVPHC ngày 06/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trương Văn S và hủy Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P đính chính quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 113/QĐ-XPVPHC ngày 06/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P.

3. Về chi phí tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trương Văn S tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ mà ông S đã nộp là 5.981.000đồng (năm triệu chín trăm tám mươi một nghìn đồng).

4. Về án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh P phải chịu án phí hành chính sơ thẩm 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Trương Văn S không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo